

DANH SÁCH HỌC SINH KHÓ KHĂN ĐƯỢC TÀI TRỢ HỌC PHÍ (1 THÁNG)
NĂM HỌC 2023 - 2024

Thực hiện từ tháng 01/2024 đến tháng 05/2024

STT	Họ và tên	Lớp	HP công lập 100.000d/ tháng	Tiền dạy B2 280.000d/ tháng	Anh văn bản ngữ 200.000d/ tháng	Tin học quốc tế 100.000d/ tháng	Học phẩm 50.000d/năm	Tổng tiền	Chế độ được hưởng	Các khoản được giảm
1	Nguyễn Thị Thu Trang	12A1	50.000	140.000	100.000			290.000		
2	Nguyễn Ngọc Thùy Trâm	12A1	50.000	140.000	100.000			290.000		
3	Nguyễn Thị Ngọc Lan	12A1	50.000	140.000	100.000			290.000		
4	Trần Thị Ngọc Trâm	12A1	50.000	140.000	100.000			290.000		
5	Lê Ngọc Như Ý	12A2	0					0	Hộ vượt chuẩn hộ cận nghèo	giảm 50% HP B1. miễn 100% B2, chương trình nhà trường
6	Nguyễn Lê Minh Anh	12A2	0					0	hộ cận nghèo	giảm 50% HP B1. miễn 100% B2, chương trình nhà trường
7	Phạm Quốc Tú	12A2						0	hộ nghèo	miễn 100% HP, B2, chương trình nhà trường
8	Võ Thị Như Huyền	12A3						0	hộ nghèo	miễn 100% HP, B2, chương trình nhà trường
9	Trần Nguyễn Nhật Nguyên	12A3						0	hộ nghèo	miễn 100% HP, B2, chương trình nhà trường
10	Lê Phạm Ngọc Trâm	12A3	50.000	140.000	100.000			290.000		
11	Nguyễn Trần Tuấn Tú	12A3	0					0	hộ cận nghèo	giảm 50% HP B1. miễn 100% B2, chương trình nhà trường
12	Trần Như Viên Nhân	12A3	50.000	140.000	100.000			290.000		
13	Hồ Thị Thanh Hằng	12A3	50.000	140.000	100.000			290.000		
14	Nguyễn Văn Nhật Hào	12A3	50.000	140.000	100.000			290.000		
15	Huỳnh Thị Kim Liên	12A3	50.000	140.000	100.000			290.000		
16	Huỳnh Dương Thị Cẩm Tiên	12A4	50.000	140.000	100.000			290.000		
17	Nguyễn Huy Hoàng	12A4	50.000	140.000	100.000			290.000		
18	Mai Cao Ngọc Trinh	12A4						0	hộ nghèo	miễn 100% HP, B2, chương trình nhà trường
19	Dương Nhật Lan	12A5						0	hộ nghèo	miễn 100% HP, B2, chương trình nhà trường
20	Trần Thanh Lương	12A5						0	hộ nghèo	miễn 100% HP, B2, chương trình nhà trường
21	Trần Trọng Phúc	12A5						0	hộ nghèo	miễn 100% HP, B2, chương trình nhà trường
22	Nguyễn Minh Hào	12A7	0					0	hộ cận nghèo	giảm 50% HP B1. miễn 100% B2, chương trình nhà trường
23	Phan Thị Ngọc Trinh	12A7	0	140.000	100.000			240.000		
24	Trần Hữu Thế	12A7	0					0	hộ cận nghèo	giảm 50% HP B1. miễn 100% B2, chương trình nhà trường
25	Trần Công Khải	12A7	50.000	140.000	100.000			290.000		
26	Trần Thị Diễm Hương	12A8	50.000	140.000	100.000			290.000		
27	Phan Thị Diễm My	12A8	0					0	hộ cận nghèo	giảm 50% HP B1. miễn 100% B2, chương trình nhà trường
28	Trần Phạm Minh Huy	12A9	50.000	140.000	100.000			290.000		
29	Nguyễn Văn Tiến	12A9	0					0	Hộ vượt chuẩn hộ cận nghèo	giảm 50% HP B1. miễn 100% B2, chương trình nhà trường
30	Nguyễn Tuấn Khanh	12A9	0					0	Hộ vượt chuẩn hộ cận nghèo	giảm 50% HP B1. miễn 100% B2, chương trình nhà trường
31	Nguyễn Hồng Hân	12A9						0	hộ nghèo	miễn 100% HP, B2, chương trình nhà trường
32	Đặng Lê Minh Lâm	12A10	50.000	140.000	100.000			290.000		
33	Nguyễn Trọng Hiếu	12A10	50.000	140.000	100.000			290.000		
34	Phạm Thiên Tổng	12A10	50.000	140.000	100.000			290.000		
35	Lê Văn Hoàng Anh	12A10	50.000	140.000	100.000			290.000		
36	Huỳnh Ánh Tuyết	12A10	50.000	140.000	100.000			290.000		
37	Trần Thị Như Quỳnh	12A10	50.000	140.000	100.000			290.000		
38	Lý Thiên Bảo	11A1	50.000	140.000	100.000			290.000		
39	Trần Thị Tuyết Hạnh	11A2	100.000	280.000	200.000			580.000	mô cô cha mẹ	

40	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	11A2	50.000	140.000	100.000			290.000		
41	Ngô Thị Hạnh	11A2	50.000	140.000	100.000			290.000		
42	Phan Thị Vũ Nguyên	11A2	50.000	140.000	100.000			290.000		
43	Nguyễn Thiện Nhân	11A2	50.000	140.000	100.000			290.000		
44	Nguyễn Hoàng Tú	11a3	0					0	hộ cận nghèo	giảm 50% HP B1. miễn 100% B2, chương trình nhà trường
45	Phạm Phi Phạm	11A3	0					0	Hộ vượt chuẩn hộ cận nghèo	giảm 50% HP B1. miễn 100% B2, chương trình nhà trường
46	Thạch Thị Hồng	11A3	50.000	140.000	100.000			290.000		
47	Lê Ngọc Sương	11A3	50.000	140.000	100.000			290.000		
48	Trần Minh Quang	11A4	50.000	140.000	100.000			290.000		
49	Nguyễn Văn Anh	11A4	0					0	hộ cận nghèo	giảm 50% HP B1. miễn 100% B2, chương trình nhà trường
50	Trần Thị Thanh Vi	11A4	50.000	140.000	100.000			290.000		
51	Lê Thị Thanh Huyền	11A4	50.000	140.000	100.000			290.000		
52	Trần Phạm Ngọc Hân	11A4	50.000	140.000	100.000			290.000		
53	Hồ Quốc Thái	11A5	50.000	140.000	100.000			290.000		
54	Tăng Thị Phương Trinh	11a5	0					0	ba mắt sức lao động	giảm 50% HP B1. miễn 100% B2, chương trình nhà trường
55	Hồ Thu Phương	11A5	50.000	140.000	100.000			290.000		
56	Nguyễn Hoài Bảo Châu	11a6	50.000	140.000	100.000			290.000		
57	Trần Hoàng Trung Kiên	11A6	50.000	140.000	100.000			290.000		
58	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	11A7						0	hộ nghèo	miễn 100% HP, B2, chương trình nhà trường
59	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	11A7	0					0	hộ cận nghèo	giảm 50% HP B1. miễn 100% B2, chương trình nhà trường
60	Ngô Thanh Phong	11A7	0					0	hộ cận nghèo	giảm 50% HP B1. miễn 100% B2, chương trình nhà trường
61	Ngô Thanh Phú	11A7	0					0	hộ cận nghèo	giảm 50% HP B1. miễn 100% B2, chương trình nhà trường
62	Nguyễn Lê Ngọc Thành	11A7						0	hộ nghèo	miễn 100% HP, B2, chương trình nhà trường
63	Trần Lê Hữu Trí	11a7						0	hộ nghèo	miễn 100% HP, B2, chương trình nhà trường
64	Đinh Nguyễn Thu Hoài	11A7	50.000	140.000	100.000			290.000		
65	Lâm Yến Vy	11a8	50.000	140.000	100.000			290.000		
66	Lương Lê Thanh Phong	11a9					10.000	10.000	hòa nhập	miễn 100% HP, B2, chương trình nhà trường
67	Trần Tuấn Kiệt	11A9	50.000	140.000	100.000			290.000		
68	Hồ Trọng Phát	11a9						0	hộ nghèo	miễn 100% HP, B2, chương trình nhà trường
69	Dương Võ Tấn Phát	11A10	50.000					50.000	Hộ vượt chuẩn hộ cận nghèo	giảm 50% HP B1. miễn 100% B2, chương trình nhà trường
70	Cao Kiều Diễm	11A10	0					0	hộ cận nghèo	giảm 50% HP B1. miễn 100% B2, chương trình nhà trường
71	Vương Nguyễn Minh Nhật	11A10	50.000	140.000	100.000			290.000		
72	Hoàng Châu Nhật Bảo	11A10	50.000	140.000	100.000			290.000		
73	Tăng Kiên Chương	11A10	50.000	140.000	100.000			290.000		
74	Lê Minh Tuấn	11A10	50.000	140.000	100.000			290.000		
75	Nguyễn Dương Quốc Trung	11A11	0					0	hộ cận nghèo	giảm 50% HP B1. miễn 100% B2, chương trình nhà trường
76	Nguyễn Thị Trà My	11A12					10.000	10.000	hòa nhập	miễn 100% HP, B2, chương trình nhà trường
77	Lê Tuấn Vỹ	11A12					10.000	10.000	Hòa nhập	miễn 100% HP, B2, chương trình nhà trường
78	Lê Hoàng Long	11A12						0	hộ nghèo	miễn 100% HP, B2, chương trình nhà trường
79	Nguyễn Ngọc Thanh Vi	11A12	50.000	140.000	100.000			290.000		
80	Nguyễn Thanh Minh	11A12	50.000	140.000	100.000			290.000		
81	Nguyễn Phan Thúy An	10A2	50.000	140.000	100.000	50.000		340.000		
82	Phạm Minh Khang	10A2	0			50.000		0	Hộ vượt chuẩn hộ cận nghèo	giảm 50% HP B1. miễn 100% B2, chương trình nhà trường
83	Nguyễn Ngọc Xuân Nghi	10A3	50.000	140.000	100.000	50.000		340.000		
84	Châu Lê Minh Thư	10A3	50.000	140.000	100.000	50.000		340.000		
85	Trần Thị Bích Kiều	10A4	0					0	Hộ vượt chuẩn hộ cận nghèo	giảm 50% HP B1. miễn 100% B2, chương trình nhà trường

86	Nguyễn Thị Minh Trinh	10A4						0	hộ nghèo	miễn 100% HP, B2, chương trình nhà trường
87	Nguyễn Vũ Xuân Nghi	10A4	50.000	140.000	100.000	50.000		340.000		
88	Nguyễn Minh Thư	10A4	50.000	140.000	100.000	50.000		340.000		
89	Mai Kỳ Duyên	10A4	50.000	140.000	100.000	50.000		340.000		
90	Lý Lâm Bảo Ngọc	10A4	50.000	140.000	100.000	50.000		340.000		
91	Phan Anh Hải	10A4	50.000	140.000	100.000	50.000		340.000		
92	Dinh Lê Khánh Vy	10A4	50.000	140.000	100.000	50.000		340.000		
93	Nguyễn Ngọc Hải Yến	10A5						0	hộ nghèo	miễn 100% HP, B2, chương trình nhà trường
94	Nguyễn Lê Ngọc Tuấn	10A5						0	hộ nghèo	miễn 100% HP, B2, chương trình nhà trường
95	Vô Thị Bảo Như	10A5	0					0	hộ cận nghèo	giảm 50% HP B1. miễn 100% B2, chương trình nhà trường
96	Vương Công Phong	10A5	50.000	140.000	100.000	50.000		340.000		
97	Lê Yến Vy	10A5	50.000	140.000	100.000	50.000		340.000		
98	Lâm Thanh Hiếu	10A6	50.000	140.000	100.000	50.000		340.000		
99	Dương Thị Thúy Vân	10A6	50.000	140.000	100.000	50.000		340.000		
100	Phạm Nguyễn Trà My	10A6				50.000		50.000	hộ nghèo	miễn 100% HP, B2, chương trình nhà trường
101	Trần Thị Thu Hương	10A6	50.000	140.000	100.000	50.000		340.000		
102	Cao Ngọc Yến Nhi	10A6	50.000	140.000	100.000	50.000		340.000		
103	Nguyễn Phạm Thị Bé Giàu	10A7				50.000		50.000	hộ nghèo	miễn 100% HP, B2, chương trình nhà trường
104	Lê Trần Đăng Khoa	10A7	0					0	Hộ vượt chuẩn hộ cận nghèo	giảm 50% HP B1. miễn 100% B2, chương trình nhà trường
105	Trần Thị Bích Trâm	10A7						0	hộ nghèo	miễn 100% HP, B2, chương trình nhà trường
106	Trang Thanh Vân	10A7						0	hộ nghèo	miễn 100% HP, B2, chương trình nhà trường
107	Phạm Minh Hùng	10A7	0					0	hộ cận nghèo	giảm 50% HP B1. miễn 100% B2, chương trình nhà trường
108	Bùi Ngọc Tường Vi	10A8					10.000	10.000	hòa nhập	miễn 100% HP, B2, chương trình nhà trường
109	Mus Ro Sa Li	10A8	50.000	140.000	100.000	50.000		340.000		
110	Lê Quốc Minh	10A9	50.000	140.000	100.000	50.000		340.000		
111	Hồ Hoàng Phúc	10A9				100.000	10.000	110.000	hòa nhập	miễn 100% HPCL, B2, chương trình nhà trường
112	Đồng Gia Huy	10A9	50.000	140.000	100.000	50.000		340.000		
113	Trương Hữu Du	10A9	50.000	140.000	100.000	50.000		340.000		
114	Trần Khải Hoàn	10A9	50.000	140.000	100.000	50.000		340.000		
115	Trần Yến Ngọc	10A10	50.000	140.000	100.000			290.000		
116	Trần Đức Duy	10A10	50.000	140.000	100.000			290.000		
117	Trà Trinh Minh Phúc	10A10				100.000	10.000	110.000	hòa nhập	miễn 100% HP, B2, chương trình nhà trường
118	Trần Thái Sơn	10A11	50.000	140.000	100.000	50.000		340.000		
119	Trần Nguyễn Triệu Gia Phú	10A11	50.000	140.000	100.000	50.000		340.000		
120	Đặng Hải Đăng	10A11	50.000	140.000	100.000	50.000		340.000		
121	Trần Vũ Yến Ngân	10A1	50.000	140.000	100.000	50.000		340.000		
122	Lê Nguyễn Minh Tâm	10A12	0					0	hộ cận nghèo	giảm 50% HP B1. miễn 100% B2, chương trình nhà trường
123	Trần Gia Huy	10A12	50.000	140.000	100.000	50.000		340.000		
124	Nguyễn Đại Phú	10A12	50.000	140.000	100.000	50.000		340.000		
125	Vân Thị Thảo	10A13				50.000		50.000	hộ nghèo	miễn 100% HPCL, B2, chương trình nhà trường
126	Trần Hà Ngọc Thảo	10A13		140.000	100.000	50.000		290.000		
127	Kim Thị Ngọc My	10A13		140.000	100.000	50.000		290.000	dân tộc Kơ me	miễn HP công lập
128	Nguyễn Lê Quỳnh Liên	10A13	50.000	140.000	100.000	50.000		340.000		
129	Đường Trần Yên Vy	10A14	50.000	140.000	100.000	50.000		340.000		
130	Thái Minh Hưng	10A1	50.000	140.000	100.000	50.000		340.000		
131	Nguyễn Hoàng Trung Tín	10A8	50.000	140.000	100.000	50.000		340.000		

132	Phan Thành Lợi	10A14	50.000	140.000	100.000	50.000		340.000		
Tổng cộng			4.000.000	11.480.000	8.200.000	2.050.000	60.000	25.790.000		

2. DANH SÁCH HỌC SINH HỘ NGHÈO CẬN NGHÈO
(không thuộc danh sách học sinh khó khăn)

STT	Họ và tên	Lớp	HP công lập 100.000d/ tháng	Tiền dạy B2 280.000d/ tháng	Anh văn bản ngữ 200.000d/ tháng	Tin học quốc tế 100.000d/ tháng	Học phẩm 50.000d/năm	Tổng tiền	Ghi chú	
1	Nguyễn Kim Hiền	10A2						0	hộ nghèo	
2	Nguyễn Hồ Bảo Trâm	11A7						0	hộ nghèo	
3	Hồ Trọng Phát	11A9						0	hộ nghèo	
4	Ngô Thị Giàu	12A8						0	hộ nghèo	
5	Lê Trần Khánh Hậu	12A8						0	hộ nghèo	
6	Trần Nguyễn Triều Vĩ	12A9						0	hộ nghèo	
7	Trần Thị Bích Kiều	10A4	0					0	Hộ vượt chuẩn hộ cận nghèo	Đã giảm 50% HPCL
8	Trần Thị Thu Hương	10A6	0					0	Hộ vượt chuẩn hộ cận nghèo	Đã giảm 50% HPCL
9	Phạm Phi Phạm	11A3	0					0	Hộ vượt chuẩn hộ cận nghèo	Đã giảm 50% HPCL
10	Nguyễn Hoàng Tú	11A3	0					0	hộ cận nghèo	Đã giảm 50% HPCL
11	Nguyễn Văn Anh	11A4	0					0	hộ cận nghèo	Đã giảm 50% HPCL
12	Nguyễn Thế Duy	11A4	0					0	hộ cận nghèo	Đã giảm 50% HPCL
13	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm	12A3	0					0	hộ cận nghèo	Đã giảm 50% HPCL
14	Lê Quốc Anh	12A7	0					0	hộ cận nghèo	Đã giảm 50% HPCL
15	Phạm Minh Khôi	12A8	0					0	Hộ vượt chuẩn hộ cận nghèo	Đã giảm 50% HPCL
16	Phạm Như Ý	12A8	0					0	Hộ vượt chuẩn hộ cận nghèo	Đã giảm 50% HPCL
Tổng cộng			0	0	0	0	0	0		

3. DANH SÁCH HỌC SINH KHUYẾT TẬT HÒA NHẬP
(không thuộc danh sách học sinh khó khăn)

STT	Họ và tên	Lớp	HP công lập 100.000d/ tháng	Tiền dạy B2 280.000d/ tháng	Anh văn bản ngữ 200.000d/ tháng	Tin học quốc tế 100.000d/ tháng	Học phẩm 50.000d/năm	Tổng tiền	Ghi chú	
1	Phan Thị Ý Duy	10A10					10.000	10.000	Hòa nhập	
2	Đỗ Trọng Nghĩa	10A13				100.000	10.000	110.000	Hòa nhập	
3	Bùi Thị Hồng Tươi	10A14				100.000	10.000	110.000	Hòa nhập	
4	Nguyễn Ái Vy	10A14				100.000	10.000	110.000	Hòa nhập	
5	Trần Cao Kỳ Duyên	10A8					10.000	10.000	Hòa nhập	
6	Trần Quốc Trí	10A8					10.000	10.000	Hòa nhập	
7	Nguyễn Văn Đông	10A9				100.000	10.000	110.000	Hòa nhập	
8	Ngô Hoàng Thịnh	11A3					10.000	10.000	Hòa nhập	
9	Trần Hồ Hải Lâm	11A7					10.000	10.000	Hòa nhập	
10	Hồ Thị Thanh Thủy	11A8					10.000	10.000	Hòa nhập	
11	Nguyễn Thanh Thiên	11A9					10.000	10.000	Hòa nhập	
12	Huỳnh Anh Khôi	12A2					10.000	10.000	Hòa nhập	
13	Trần Thiên Phúc	12A3					10.000	10.000	Hòa nhập	
14	Nguyễn Ngọc Thanh Trúc	12A4					10.000	10.000	Hòa nhập	
15	Trần Thanh Lương	12A5					10.000	10.000	Hòa nhập	

16	Trần Trọng Phúc	12A5					10.000	10.000	Hòa nhập	
17	Nguyễn Hoài Thương	12A6					10.000	10.000	Hòa nhập	
Tổng cộng			-	-	-	400.000	170.000	570.000		

4. DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐOÀN TRƯỜNG

STT	Họ và tên	Lớp	HP công lập 100.000d/ tháng	Tiền dạy B2 280.000d/ tháng	Anh văn bản ngữ 200.000d/ tháng	Tin học quốc tế 100.000d/ tháng	Học phẩm 50.000d/năm	Tổng tiền	Ghi chú	
1	Đỗ Hoàng Duy Phú	11A11	100.000	280.000				380.000	Bí thư	
2	Nguyễn Võ Bảo Trân	11A9	100.000	280.000				380.000	Phó Bí thư	
3	Lê Trung Nghĩa	11A1	100.000	280.000				380.000	Phó Bí thư	
4	Cao Kiều Diễm	11A11	0	0				0	UV BCH (đã hưởng chế độ cận nghèo)	
5	Lý Minh Hoàng	10A3	50.000	140.000				190.000	UV BCH	
6	Lê Thanh Ngân	11A11	50.000	140.000				190.000	UV BCH	
7	Dương Võ Tấn Phát	11A10	0	0				0	UV BCH (đã hưởng chế độ Vượt chuẩn cận nghèo)	
8	Phạm Trần Ngọc Tâm	11A10	50.000	140.000				190.000	UV BCH	
9	Trần Thanh Thảo	11A11	50.000	140.000				190.000	UV BCH	
10	Bùi Thị Anh Thư	11A1	50.000	140.000				190.000	UV BCH	
11	Trần Thị Minh Thư	11A11	50.000	140.000				190.000	UV BCH	
12	Trần Thị Cẩm Tiên	11A9	50.000	140.000				190.000	UV BCH	
13	Lê Như Ý	11A11	50.000	140.000				190.000	UV BCH	
Tổng cộng			700.000	1.960.000	0	0	0	2.660.000		

Thông kê

STT	TÀI TRỢ 1 THÁNG	TÀI TRỢ 5 THÁNG
Mục 1	25.790.000	128.950.000
Mục 2	-	-
Mục 3	570.000	2.850.000
Mục 4	2.660.000	13.300.000
Tổng cộng	29.020.000	145.100.000

Ngày 15 tháng 12 năm 2023

TRƯỞNG ĐOÀN TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG QUANG TRUNG

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lê Thị Uyên

TRƯỞNG BDD CMHS

Nguyễn Thị Kim Giang

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Hậu

THỦ QUỸ

Nguyễn Thị Ngọc Ánh

NGƯỜI LẬP BẢNG

Nguyễn Văn Cai

